PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ TRONG DẠY HỌC NGỮ VĂN CHO SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM NGỮ VĂN, TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

NGUYỄN THỊ THÚY HẠNH
Trường Đại học Hải Dương

Nhận bài ngày 22/9/2026. Sửa chữa xong 19/10/2026. Duyệt đăng 24/10/2026.

Abstract

In the context of the ongoing, robust digital transformation in education, developing digital technology application competencies among pre-service teachers has become a critical requirement for teacher training, essential for supporting the reform of general education. For students majoring in Literature Education, the development of such competencies must be situated at the intersection of subject-matter expertise, pedagogical skills, and the ability to navigate and master digital environments. Students must learn to select technologies appropriate for lesson objectives, design learning tasks, facilitate interaction, assess learning outcomes, and utilize digital resources in a responsible manner. This article proposes solutions for developing digital technology application competencies in the teaching of Literature for students in the Literature Education program at Hai Duong University.

Keywords: *Digital competence, digital technology, Hai Duong University, Literature, students.*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, việc ứng dụng công nghệ số trong giáo dục trở thành yêu cầu quan trọng nhằm đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng đào tạo. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo đã đặt ra định hướng thúc đẩy chuyển đổi số trong các hoạt động giáo dục (Thủ tướng Chính phủ, 2022). Đối với đào tạo giáo viên, điều này đòi hỏi sinh viên (SV) sư phạm không chỉ có kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ mà còn phải hình thành năng lực lựa chọn, khai thác và sử dụng công nghệ số hiệu quả trong thực tiễn dạy học. Đối với môn Ngữ văn, công nghệ số mở ra nhiều khả năng đổi mới hoạt động đọc, viết, nói và nghe thông qua việc khai thác học liệu đa phương thức, tổ chức tương tác, xây dựng sản phẩm học tập và đổi mới kiểm tra, đánh giá. Tuy nhiên, hiệu quả ứng dụng công nghệ phụ thuộc vào khả năng kết hợp giữa công cụ số với mục tiêu sư phạm và đặc trưng môn học. Vì vậy, SV ngành Sư phạm Ngữ văn cần được rèn luyện năng lực ứng dụng công nghệ số theo hướng gắn lí thuyết với thực hành, chú trọng tư duy phản biện, tính sáng tạo và trách nhiệm trong môi trường số.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Về phát triển năng lực ứng dụng công nghệ số trong dạy học Ngữ văn cho sinh viên ngành Sư phạm Ngữ văn, Trường Đại học Hải Dương

2.1.1. Những kết quả đạt được về phát triển năng lực ứng dụng công nghệ số trong dạy học Ngữ văn cho sinh viên ngành Sư phạm Ngữ văn

Trong những năm gần đây, phát triển năng lực (PTNL) ứng dụng công nghệ số cho SV đã trở thành một định hướng quan trọng trong đổi mới giáo dục đại học nói chung và đào tạo giáo viên nói riêng. Tại Trường Đại học Hải Dương, công tác chuyển đổi số từng bước được triển khai trong hoạt động quản lí, đào tạo và hỗ trợ người học. Theo thông tin do nhà trường công bố ngày 13/8/2025, từ năm 2018, Trường

Email: nguyenthithuyhanhdhdh@gmail.com

Đại học Hải Dương đã từng bước xây dựng dữ liệu phục vụ đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số theo từng năm. Báo cáo về chuyển đổi số của trường cho biết các hoạt động số hóa đã được triển khai trong tuyển sinh, phát triển chương trình đào tạo, tổ chức dạy học, quản lí thông tin người học và xây dựng học liệu điện tử. Đáng chú ý, kho học liệu số mở của trường có 18 chuyên mục với 1.006 đầu sách điện tử (Phòng Khoa học Công nghệ - Thông tin - Thư viện, Trường Đại học Hải Dương, 2025). Đây là nguồn lực quan trọng tạo điều kiện cho SV tiếp cận tài liệu, khai thác thông tin và hình thành thói quen học tập trong môi trường số. Đối với SV ngành Sư phạm Ngữ văn, hệ thống học liệu này có thể hỗ trợ việc tìm kiếm tài liệu tham khảo, nghiên cứu tác giả và tác phẩm, chuẩn bị nội dung bài học và xây dựng nguồn tư liệu phục vụ hoạt động dạy học.

Nhà trường đã quan tâm đến việc đổi mới phương pháp giảng dạy thông qua ứng dụng CNTT. Trong bài viết đăng ngày 08/8/2025, Trường Đại học Hải Dương nhấn mạnh vai trò của bài giảng điện tử, học liệu số, bài tập trực tuyến và các hình thức học tập linh hoạt trong việc nâng cao chất lượng dạy học, tạo điều kiện để SV tiếp cận phương pháp học tập hiện đại (Nguyễn Thị Loan, 2025). Những định hướng này góp phần hình thành môi trường thuận lợi để SV từng bước phát triển các kĩ năng tìm kiếm thông tin, sử dụng tài nguyên số, trình bày nội dung và tương tác trong quá trình học tập. Trong chương trình đào tạo giáo viên hiện nay, thực tập sư phạm được xem là một nội dung cốt lõi nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp cho SV. Theo định hướng đổi mới giáo dục phổ thông tại Việt Nam (Chương trình GDPT 2018), giáo viên không chỉ là người truyền đạt tri thức mà còn là người tổ chức hoạt động học tập, phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh. Do đó, thực tập sư phạm 1 của SV K13, ngành Sư phạm Ngữ văn và Sư phạm Lịch sử, Trường Đại học Hải Dương tại các trường trung học cơ sở (THCS) và trung học phổ thông (THPT) không chỉ là cơ hội để SV vận dụng kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm đã được trang bị trong nhà trường mà còn là bước chuyển quan trọng từ môi trường lí thuyết sang thực tiễn nghề nghiệp, phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo của SV trong quá trình đào tạo. Tháng 3/2026, toàn bộ SV năm thứ ba thuộc hai ngành Sư phạm Ngữ văn và Sư phạm Lịch sử của Khoa Ngữ văn và Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hải Dương đã về các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh để thực hành như Trường THCS Võ Thị Sáu, Trường THCS Cẩm Thượng, Trường THCS Tân Bình, Trường THCS Bình Hàn, Trường THCS Hải Tân, Trường THCS Ngô Gia Tự, Trường THCS Ngọc Châu, Trường THCS Việt Hòa, Trường THPT Nguyễn Du, Trường THPT Chu Văn An… Trước khi tổ chức đợt thực tập sư phạm 1, Khoa Ngữ văn và Khoa học Xã hội đã mời các chuyên gia đến tập huấn kĩ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy bộ môn ở trường phổ thông giúp SV nâng cao năng lực thiết kế và tổ chức bài dạy và các hoạt động theo hướng hiện đại. Thay vì chỉ sử dụng phương pháp, hình thức truyền thống, SV có thể khai thác các công cụ như bài giảng điện tử, video, hình ảnh, sơ đồ tư duy… để tăng tính trực quan và sinh động của bài học. Đối với môn Ngữ văn, CNTT hỗ trợ trình chiếu tác phẩm, tư liệu hình ảnh, phim chuyển thể, từ đó nâng cao khả năng cảm thụ của học sinh (Trường Đại học Hải Dương, 2026).

Hạ tầng và học liệu, nhà trường đã có những hoạt động bước đầu nhằm nâng cao nhận thức về năng lực số cho SV. Theo thông tin công bố ngày 17/10/2025, Trường Đại học Hải Dương phối hợp với FPT Telecom Hải Dương tổ chức hội thảo "Phát triển năng lực số số cho SV khối kinh tế", thu hút hàng trăm SV tham gia. Nội dung hội thảo đề cập đến khung năng lực số, tác động của chuyển đổi số đối với việc làm và thực tiễn ứng dụng công nghệ tại doanh nghiệp; SV còn được vận dụng kiến thức đã tiếp nhận vào hoạt động thực hành (Thế Anh, 2025). Mặc dù chương trình được tổ chức cho SV khối kinh tế, hoạt động này vẫn cho thấy sự quan tâm của nhà trường đối với việc kết nối đào tạo với yêu cầu thực tiễn của môi trường số. Đây có thể là kinh nghiệm tham khảo để mở rộng các hoạt động bồi dưỡng phù hợp với SV sư phạm, trong đó có SV ngành Sư phạm Ngữ văn, thông qua các chuyên đề về thiết kế học liệu số, sử dụng trí tuệ nhân tạo trong chuẩn bị bài dạy, kiểm chứng thông tin và bảo đảm bản quyền học liệu. Thực hiện Kế hoạch thực tế, thực tập, hoạt động ngoại khóa chuyên môn của SV ngành Sư phạm Ngữ văn, dưới sự hướng dẫn của các giảng viên (GV) giảng dạy học phần chuyên ngành và giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, SV các lớp K13A.SPVAN, K13B.SPVAN, K14.SPVAN, K14.SPVAN.VLVH (Khoa Ngữ văn và Khoa học xã hội - Trường Đại học Hải Dương) đã có đợt thực tế nghề nghiệp tại Trường THCS Chu Văn An (Trường

thực hành sư phạm của Trường Đại học Hải Dương). Đây là một trong chuỗi những hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên của SV các ngành đào tạo giáo viên. Trong đợt thực tế nghề nghiệp tại Trường THCS Chu Văn An, SV các lớp đã được Ban Giám hiệu Trường THCS cùng các giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn tạo điều kiện tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau như: dự hoạt động trải nghiệm theo chủ đề; nghe báo cáo tham luận về công tác chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông; tổ chức hoạt động trải nghiệm sinh hoạt lớp; trực tiếp phụ đạo kiến thức, rèn luyện kĩ năng môn Ngữ văn cho học sinh khối 6,7,8,9. Qua đợt thực tế nghề nghiệp, SV các lớp K13A.SPVAN, K13B.SPVAN, K14.SPVAN, K14.SPVAN.VLVH đã thu hoạch được nhiều bài học quý báu về công tác chủ nhiệm lớp, công tác giảng dạy bộ môn. SV được trang bị thêm những kiến thức, kĩ năng cần thiết; có cơ hội trải nghiệm nhiệm vụ của một giáo viên phổ thông. Từ đó, SV các lớp K13A.SPVAN, K13B.SPVAN, K14.SPVAN, K14.SPVAN.VLVH như tiếp thêm động lực để nuôi dưỡng lòng nhiệt huyết, tình yêu nghề; nâng cao hơn nữa ý thức trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ; tạo đà thuận lợi cho quá trình chuẩn bị cho đợt thực tập nghề nghiệp sắp tới (Trường Đại học Hải Dương, 2025).

Sự hoàn thiện dần của hệ thống chính sách về PTNL số cho người học. Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Khung năng lực số cho người học, gồm 6 miền năng lực với 24 năng lực thành phần, tạo cơ sở cho việc xây dựng chương trình, tổ chức hoạt động giáo dục và đánh giá năng lực số (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025). Việc ban hành khung năng lực này góp phần tạo định hướng thống nhất để các cơ sở đào tạo xác định yêu cầu đầu ra và thiết kế hoạt động PTNL số cho SV. Đối với ngành Sư phạm Ngữ văn, khung năng lực số có thể được vận dụng kết hợp với yêu cầu chuyên môn của chương trình đào tạo để xác định các biểu hiện cụ thể như khai thác và đánh giá nguồn học liệu văn học, thiết kế tài nguyên số, tổ chức hoạt động đọc - viết - nói - nghe, đánh giá sản phẩm học tập và sử dụng AI có trách nhiệm. Đây là cơ sở thuận lợi để việc PTNL số được thực hiện có mục tiêu, có tiêu chí và gắn với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo giáo viên.

2.1.2. Những tồn tại, hạn chế trong phát triển năng lực ứng dụng công nghệ số trong dạy học Ngữ văn cho sinh viên ngành Sư phạm Ngữ văn

Bên cạnh những kết quả bước đầu trong chuyển đổi số giáo dục, việc PTNL ứng dụng công nghệ số trong dạy học Ngữ văn vẫn đặt ra nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu và giải quyết. Trước hết, cần phân biệt giữa năng lực sử dụng công nghệ thông thường với năng lực tích hợp công nghệ vào hoạt động sư phạm. SV có thể sử dụng thành thạo các ứng dụng văn phòng, tìm kiếm tài liệu trên Internet hoặc xây dựng bài trình chiếu, nhưng chưa chắc đã có khả năng lựa chọn công cụ phù hợp với mục tiêu bài học, thiết kế nhiệm vụ PTNL đọc, viết, nói và nghe, cũng như đánh giá hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Thanh Thủy và Nguyễn Thị Oanh (2026), khảo sát 1.172 SV Việt Nam cho thấy năng lực số nhìn chung ở mức trung cấp đến nâng cao, song khả năng sáng tạo nội dung số và giải quyết vấn đề chuyên sâu vẫn còn hạn chế. Kết quả này gợi mở rằng đào tạo SV sư phạm cần chuyển trọng tâm từ rèn luyện thao tác công nghệ sang phát triển khả năng vận dụng công nghệ để giải quyết những nhiệm vụ học tập và nghề nghiệp cụ thể.

Khoảng cách giữa việc tiếp cận công nghệ số và khả năng thiết kế, tổ chức hoạt động dạy học có chất lượng. Trong dạy học Ngữ văn, việc sử dụng bài trình chiếu, video, hình ảnh hoặc câu hỏi trực tuyến mới chỉ là phương diện ban đầu của ứng dụng công nghệ. Yêu cầu quan trọng hơn là SV phải biết khai thác công nghệ để PTNL đọc hiểu văn bản, tổ chức trao đổi và tranh luận, hướng dẫn học sinh tạo lập văn bản, đồng thời hỗ trợ quá trình tự đánh giá và chỉnh sửa sản phẩm học tập. Nghiên cứu của Phạm Hoàng Khánh Linh và Nguyễn Minh Tuấn (2026) về năng lực số của GV sư phạm tại 9 cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam cho thấy, bên cạnh những mặt đạt được về năng lực số cá nhân, phát triển chuyên môn và công dân số, các năng lực cốt lõi liên quan đến dạy học số, đánh giá dựa trên dữ liệu, mô hình hóa sư phạm số và phát triển tri thức thông qua nghiên cứu còn hạn chế, chưa đồng đều. Kết quả này cho thấy PTNL số trong đào tạo giáo viên không chỉ là nhiệm vụ của SV mà còn gắn với năng lực hướng dẫn, tổ chức thực hành và đánh giá của GV. Đối với SV Sư phạm Ngữ văn, nếu thiếu cơ hội thực hành thiết kế bài học, dạy học vi mô và nhận phản hồi chuyên môn, việc sử dụng công nghệ có

nguy cơ dừng ở mức minh họa nội dung, chưa phát huy đầy đủ vai trò hỗ trợ hoạt động nhận thức và PTNL ngôn ngữ, văn học.

Hạn chế về điều kiện tổ chức và môi trường đào tạo cũng là vấn đề cần quan tâm. Việc PTNL ứng dụng công nghệ số đòi hỏi sự kết hợp giữa hạ tầng kĩ thuật, tài nguyên học tập, nền tảng quản lí học tập, năng lực của GV và cơ hội thực hành của SV. Nghiên cứu của Hà Thị Kim Linh và cộng sự (2025) về PTNL số cho SV sư phạm tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên cho thấy SV nhận thức rõ vai trò của năng lực số nhưng vẫn tồn tại những hạn chế liên quan đến cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ và mức độ gắn kết giữa hoạt động đào tạo với mục tiêu PTNL số. Những kết quả này cho thấy nhận thức tích cực về chuyển đổi số chưa đủ để bảo đảm năng lực được hình thành bền vững nếu thiếu môi trường thực hành phù hợp. Trong bối cảnh đào tạo giáo viên Ngữ văn, SV cần có điều kiện tiếp cận thiết bị, phần mềm, học liệu số và các nền tảng cộng tác để thiết kế, thử nghiệm, chỉnh sửa sản phẩm dạy học. Bên cạnh đó, năng lực khai thác và sáng tạo học liệu số môn Ngữ văn cần được chú trọng hơn. Đặc thù môn học đòi hỏi người dạy phải lựa chọn văn bản, tư liệu về tác giả và tác phẩm, hình ảnh, âm thanh, video cũng như các nguồn tham khảo có độ tin cậy và phù hợp với yêu cầu cần đạt. Nếu SV chủ yếu sử dụng tài liệu có sẵn mà chưa biết kiểm chứng nguồn, đánh giá tính chính xác, xử lí thông tin và thiết kế học liệu theo mục tiêu sư phạm, chất lượng hoạt động dạy học sẽ bị hạn chế.

Việc sử dụng AI tạo sinh trong học tập và thiết kế bài dạy. AI có thể hỗ trợ SV xây dựng câu hỏi đọc hiểu, đề xuất hoạt động dạy học, biên tập ngôn ngữ và thiết kế học liệu; tuy nhiên, kết quả do AI tạo ra có thể chứa thông tin sai lệch, dẫn chứng không chính xác hoặc cách diễn giải văn bản thiếu căn cứ. Nếu thiếu kĩ năng kiểm chứng và đánh giá phản biện, SV có thể phụ thuộc vào nội dung do công cụ cung cấp, làm giảm tính chủ động trong đọc, viết và tư duy chuyên môn. Đối với SV ngành Sư phạm Ngữ văn, vấn đề đặt ra là cần được hướng dẫn sử dụng AI có trách nhiệm, kiểm chứng thông tin bằng văn bản và nguồn đáng tin cậy, trích dẫn tài liệu đúng quy định, bảo vệ dữ liệu cá nhân và duy trì tính độc lập trong phân tích, cảm thụ văn học. Ngoài ra, công tác đánh giá năng lực ứng dụng công nghệ số cần được quan tâm theo hướng toàn diện và dựa trên minh chứng. Nếu việc đánh giá chủ yếu dựa vào bài thu hoạch lí thuyết hoặc sản phẩm trình chiếu cuối cùng, GV khó xác định được SV có thực sự làm chủ quá trình thiết kế, tổ chức và điều chỉnh hoạt động dạy học hay không. Năng lực này cần được đánh giá thông qua nhiều minh chứng như kế hoạch bài dạy, sản phẩm học liệu số, video dạy học vi mô, khả năng tổ chức tương tác, chất lượng phản hồi và mức độ tuân thủ quy định về bản quyền, an toàn dữ liệu.

2.2. Giải pháp phát triển năng lực ứng dụng công nghệ số trong dạy học Ngữ văn cho sinh viên ngành Sư phạm Ngữ văn, Trường Đại học Hải Dương

2.2.1. Tích hợp mục tiêu phát triển năng lực số vào các học phần chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm

Việc PTNL ứng dụng công nghệ số cần được thực hiện xuyên suốt chương trình đào tạo, gắn với chuẩn đầu ra và yêu cầu thực hành nghề nghiệp của SV. Trường Đại học Hải Dương có thể rà soát các học phần phương pháp dạy học Ngữ văn, thực hành sư phạm và các học phần chuyên ngành để thiết kế nhiệm vụ học tập có ứng dụng công nghệ. Chẳng hạn, trong học phần phương pháp dạy học đọc hiểu, SV được giao thiết kế phiếu học tập điện tử, câu hỏi tương tác và sơ đồ tư duy nhằm hướng dẫn học sinh khám phá nhân vật, tình huống truyện hoặc đặc sắc nghệ thuật của văn bản. Trong học phần phương pháp dạy viết, SV có thể sử dụng công cụ soạn thảo trực tuyến để tổ chức quy trình lập dàn ý, viết bản thảo, nhận phản hồi và chỉnh sửa văn bản. Các nhiệm vụ cần được sắp xếp từ đơn giản đến phức tạp, giúp SV từng bước chuyển từ sử dụng công cụ sang thiết kế hoạt động học tập có mục tiêu.

2.2.2. Tổ chức học tập theo dự án gắn với thiết kế sản phẩm dạy học Ngữ văn số

Học tập theo dự án tạo cơ hội để SV vận dụng kiến thức chuyên ngành, năng lực sư phạm và kĩ năng công nghệ để giải quyết nhiệm vụ thực tiễn. GV có thể tổ chức các dự án như xây dựng thư viện học liệu số theo thể loại, thiết kế podcast giới thiệu tác phẩm, sản xuất video hướng dẫn đọc hiểu hoặc xây dựng hồ sơ học tập điện tử cho một chủ đề Ngữ văn. Ví dụ, với dự án thiết kế học liệu số dạy truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao, SV xác định mục tiêu bài học, lựa chọn các chi tiết tiêu biểu, xây dựng câu hỏi tìm hiểu diễn biến tâm lí nhân vật, thiết kế sơ đồ quan hệ nhân vật và tổ chức thảo luận trực tuyến về giá trị hiện

thực, giá trị nhân đạo của tác phẩm. Sản phẩm cần được thử nghiệm, nhận phản hồi và điều chỉnh trước khi hoàn thiện. Khi đánh giá, GV cần chú trọng tính chính xác của nội dung, sự phù hợp với yêu cầu cần đạt, khả năng kích thích tư duy độc lập và giá trị sư phạm, thay vì chỉ quan tâm đến hình thức trình bày.

2.2.3. Tăng cường thực hành dạy học vi mô có ứng dụng công nghệ số

Để hình thành năng lực vận dụng công nghệ trong tình huống nghề nghiệp, SV cần được thực hành thiết kế và tổ chức những phần bài dạy cụ thể, sau đó nhận phản hồi và điều chỉnh. Trong mỗi lượt dạy học vi mô, SV lựa chọn một nhiệm vụ như khởi động bài học, hướng dẫn đọc hiểu, tổ chức thảo luận hoặc đánh giá sản phẩm học tập. Chẳng hạn, khi dạy bài thơ *Sang thu* của Hữu Thỉnh, SV có thể sử dụng hình ảnh thiên nhiên và bản ghi âm diễn đọc để gợi mở cảm xúc, sau đó tổ chức cho học sinh phân tích từ ngữ, hình ảnh và sự vận động của cảm xúc trong văn bản thông qua bảng cộng tác trực tuyến. Công nghệ ở đây có vai trò hỗ trợ quan sát, trao đổi và hệ thống hóa kết quả, không thay thế hoạt động đọc trực tiếp và cảm thụ thẩm mĩ. Sau giờ dạy, GV và bạn học nhận xét về tính phù hợp của công cụ, chất lượng câu hỏi, khả năng điều hành tương tác và mức độ đạt mục tiêu bài học. SV sử dụng phản hồi để chỉnh sửa kế hoạch dạy học và tự đánh giá sự tiến bộ.

2.2.4. Phát triển năng lực khai thác, thiết kế và chia sẻ học liệu số môn Ngữ văn

Sinh viên cần được hướng dẫn quy trình tìm kiếm, kiểm chứng, lựa chọn, thiết kế và quản lí học liệu số. Đối với môn Ngữ văn, nguồn tư liệu có thể bao gồm văn bản tác phẩm, hình ảnh, bản ghi âm, video, tư liệu lịch sử - văn hóa và các tài nguyên giáo dục mở. Ví dụ, khi thiết kế học liệu về *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, SV có thể kết hợp văn bản trích đoạn, chú giải từ ngữ, hình ảnh minh họa và câu hỏi đọc hiểu theo từng nhiệm vụ. Mỗi nguồn tư liệu phải được kiểm tra về độ tin cậy, ghi rõ xuất xứ và tuân thủ quy định bản quyền. SV cũng cần biết điều chỉnh dung lượng, ngôn ngữ và hình thức trình bày để học liệu phù hợp với trình độ học sinh. Nhà trường có thể khuyến khích xây dựng kho học liệu dùng chung theo chủ đề, thể loại hoặc hoạt động đọc, viết, nói và nghe; mỗi sản phẩm kèm theo mục tiêu sử dụng, hướng dẫn tổ chức và tiêu chí đánh giá. Hoạt động chia sẻ nên kết hợp với phản biện đồng đẳng để SV nhận xét, chỉnh sửa và hoàn thiện sản phẩm.

2.2.5. Đổi mới kiểm tra, đánh giá năng lực ứng dụng công nghệ số theo hướng dựa trên minh chứng

Việc đánh giá cần phản ánh cả quá trình thực hiện và chất lượng sản phẩm, không chỉ căn cứ vào mức độ thành thạo thao tác phần mềm. GV có thể xây dựng hồ sơ học tập điện tử gồm kế hoạch bài dạy, học liệu số, video dạy học vi mô, phiếu tự đánh giá và minh chứng về việc chỉnh sửa sản phẩm sau phản hồi. Các tiêu chí đánh giá cần tập trung vào độ tin cậy của học liệu, sự phù hợp giữa công nghệ và mục tiêu bài học, khả năng tổ chức tương tác, chất lượng phản hồi và trách nhiệm số. Chẳng hạn, khi đánh giá bài dạy đọc hiểu một văn bản nghị luận, GV xem xét liệu công cụ trực tuyến có giúp người học xác định luận điểm, tìm bằng chứng, nhận diện cách lập luận và trao đổi quan điểm hay không. SV cần giải thích được lí do lựa chọn công cụ và minh chứng cho hiệu quả sư phạm dự kiến. Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT xác định khung năng lực số là căn cứ để xây dựng chương trình, tài liệu hướng dẫn và tiêu chí đánh giá kết quả PTNL số của người học. Trên cơ sở đó, nhà trường có thể xây dựng rubric phù hợp với đặc thù môn Ngữ văn, kết hợp tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng và đánh giá của GV để theo dõi sự tiến bộ của SV.

2.2.6. Bồi dưỡng năng lực sử dụng trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm trong dạy học Ngữ văn

Sinh viên cần được hướng dẫn khai thác AI để hỗ trợ thiết kế câu hỏi, xây dựng học liệu, đề xuất hoạt động phân hóa và biên tập nội dung, đồng thời nhận diện giới hạn của công cụ. Ví dụ, khi sử dụng AI để gợi ý câu hỏi phân tích một bài thơ, SV phải đối chiếu từng câu hỏi với văn bản gốc, kiểm tra tính chính xác của thuật ngữ và đánh giá xem câu hỏi có khuyến khích học sinh tự khám phá ý nghĩa hay áp đặt một cách hiểu duy nhất. GV có thể yêu cầu SV so sánh câu hỏi do bản thân xây dựng với câu hỏi do AI gợi ý, chỉ ra điểm phù hợp, điểm chưa chính xác và cách chỉnh sửa. Hoạt động này giúp SV phát triển tư duy phản biện và năng lực kiểm chứng thông tin. Vận dụng định hướng này, SV cần tuân thủ quy định về liêm chính học thuật, trích dẫn nguồn, bảo vệ dữ liệu cá nhân và minh bạch về mức độ sử dụng AI. Đặc biệt, công nghệ không được thay thế hoạt động đọc, viết và cảm thụ văn học độc lập của học sinh.

2.2.7. Xây dựng môi trường đào tạo hỗ trợ phát triển năng lực số

Các giải pháp trên cần được triển khai trong môi trường có sự phối hợp giữa nhà trường, GV và SV. Trường Đại học Hải Dương có thể rà soát điều kiện thiết bị, đường truyền, phần mềm và nền tảng học tập; ưu tiên công cụ dễ tiếp cận, có chi phí phù hợp và bảo đảm an toàn thông tin. Đồng thời, cần bồi dưỡng GV về thiết kế học tập số, xây dựng rubric và hướng dẫn sử dụng AI có trách nhiệm; tăng cường kết nối với trường phổ thông để SV được quan sát, thực hành và nhận phản hồi từ giáo viên đang giảng dạy. Ví dụ, có thể tổ chức chuyên đề "Thiết kế một bài học Ngữ văn có ứng dụng công nghệ số", trong đó SV xây dựng kế hoạch bài dạy, trình bày sản phẩm, thực hành dạy học vi mô và chỉnh sửa theo góp ý của GV, giáo viên phổ thông và bạn học. Các sản phẩm đạt yêu cầu có thể được lưu trữ trong kho học liệu dùng chung để tiếp tục cập nhật và sử dụng trong những khóa đào tạo sau. Vì vậy, hiệu quả của các giải pháp cần được theo dõi thông qua khảo sát đầu vào, đánh giá định kì và phân tích sản phẩm thực hành, từ đó điều chỉnh nội dung bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu thực tế của SV.

3. Kết luận

Phát triển năng lực ứng dụng công nghệ số trong dạy học Ngữ văn cho SV ngành Sư phạm Ngữ văn là yêu cầu cần thiết nhằm đáp ứng định hướng chuyển đổi số giáo dục và đổi mới đào tạo giáo viên hiện nay. Năng lực này không chỉ thể hiện ở khả năng sử dụng các công cụ công nghệ mà còn ở việc lựa chọn, thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với mục tiêu giáo dục và đặc trưng của môn Ngữ văn. Trên cơ sở nghiên cứu lí luận, bài viết đã đề xuất cấu trúc năng lực gồm 5 thành tố cơ bản và xác định các biện pháp phát triển thông qua tích hợp vào chương trình đào tạo, tổ chức học tập theo dự án, tăng cường thực hành dạy học vi mô, thiết kế học liệu số, đổi mới kiểm tra, đánh giá, sử dụng AI có trách nhiệm và xây dựng môi trường học tập số. Các biện pháp này hướng đến sự kết hợp chặt chẽ giữa kiến thức chuyên môn, năng lực sư phạm và kĩ năng công nghệ, góp phần nâng cao khả năng thích ứng nghề nghiệp của SV. Để triển khai hiệu quả tại Trường Đại học Hải Dương cần có sự phối hợp giữa nhà trường, GV và SV trong việc hoàn thiện chương trình đào tạo, bảo đảm điều kiện thực hành và xây dựng tiêu chí đánh giá phù hợp. Đồng thời, cần tiếp tục khảo sát thực trạng và tổ chức thực nghiệm sư phạm để kiểm chứng tính khả thi, hiệu quả của các biện pháp đề xuất. Đây sẽ là cơ sở quan trọng để từng bước nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên Ngữ văn, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông trong bối cảnh chuyển đổi số.

Tài liệu tham khảo

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025). *Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 quy định Khung năng lực số cho người học*.

Hà Thị Kim Linh, Đàm Thị Kim Thu, Nguyễn Thị Thanh Huyền, Dương Thị Nga (2025). Phát triển năng lực số cho sinh viên sư phạm - Tiếp cận yếu tố ảnh hưởng từ môi trường giáo dục đại học số. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên,* 231(04), 111-118. https://doi.org/10.34238/tnu-jst.13321.

Nguyễn Thị Loan (2025). *Đổi mới phương pháp giảng dạy tại Trường Đại học Hải Dương thông qua ứng dụng công nghệ thông tin*. https://uhd.edu.vn/khoa-cong-nghe-thong-tin/tin-tuc/doi-moi-phuong-phap-giang-day-tai-truong-dai-hoc-hai-duong-thong-qua-ung-dung-cong-nghe-thong-tin-postB8qMO73RxBslYl4eeELB,ngày 08/8/2025.

Nguyễn Thị Thanh Thủy, Nguyễn Thị Oanh (2026). Thực trạng năng lực công nghệ số của sinh viên Việt Nam từ góc nhìn tham chiếu khung DigComp EU và MOET. *Tạp chí Giáo dục,* 26(16), 100-106.

Phạm Hoàng Khánh Linh, Nguyễn Minh Tuấn (2026). Thực trạng năng lực số của giảng viên sư phạm trong các cơ sở giáo dục đại học. *Tạp chí Giáo dục,* 26(12), 72-79.

Phòng Khoa học Công nghệ - Thông tin - Thư viện, Trường Đại học Hải Dương (2025). *Công tác chuyển đổi số trong Trường Đại học Hải Dương*. https://uhd.edu.vn/tin-tuc/cong-tac-chuyen-doi-so-trong-truong-dai-hoc-hai-duong-postDAERwg8QD3h4w347q9w0, ngày 13/8/2025.

Thế Anh (2025). *Phát triển năng lực số cho sinh viên Đại học Hải Dương*. https://uhd.edu.vn/tin-tuc/phat-trien-nang-luc-so-cho-sinh-vien-dai-hoc-hai-duong-postQPzJ2N3nWDsg4RAGwQ5G, ngày 17/10/2025.

Thủ tướng Chính phủ (2022). *Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 phê duyệt đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030".*

Trường Đại học Hải Dương (Khoa Ngữ văn và Khoa học xã hội) (2026). *Thực tập sư phạm 1 của sinh viên K13 ngành Sư phạm Ngữ văn và Sư phạm Lịch sử khoa Ngữ văn và KHXH, Trường Đại học Hải Dương tại các trường THCS và THPT*. https://uhd.edu.vn/khoa-ngu-van-va-khoa-hoc-xa-hoi/tin-tuc/thuc-tap-su-pham-1-cua-sinh-vien-k13-nganh-su-pham-ngu-van-va-su-pham-lich-su-khoa-ngu-van-va-khxh-truong-dai-hoc-hai-duong-tai-cac-truong-thcs-va-thpt-postoEQJn049XnSJvomoLvJX.

Trường Đại học Hải Dương (Khoa Ngữ văn và Khoa học xã hội) (2025). *Sinh viên ngành Sư phạm Ngữ văn - Khoa ngữ Văn và Khoa học xã hội thực tế nghề nghiệp tại Trường THCS Chu Văn An*. https://uhd.edu.vn/tin-tuc/sinh-vien-nganh-su-pham-ngu-van---khoa-ngu-van-va-khoa-hoc-xa-hoi-thuc-te-nghe-nghiep-tai-truong-thcs-chu-van-an-post2aPOeme0DBSOA4oqvPEv.